



Nhìn lại gần 20 năm đổi mới, làm gì và làm thế nào tiếp tục đổi mới ở tầm trí tuệ cao hơn?

(Suy nghĩ trước thêm Đại hội X của Đảng cộng sản Việt Nam)

GS. TRẦN ĐÌNH BÚT

Kinh nghiệm một số nước cho thấy mở rộng dân chủ, trước hết là dân chủ trong tư duy, khuyến khích từng công dân tìm những ý tưởng mới, phương pháp làm việc mới. Đã là những ý tưởng mới, tư duy mới thì nhất định có những khác biệt nhất định với những gì đã có trong ý thức truyền thống, hay trong văn bản chính thức của Nhà nước hay các tổ chức chính trị. Cũng vì chúng mới, nên thường nó động chạm, thậm chí phủ định cái cũ, nhưng trong nhiều trường hợp đó là những phủ định tích cực, phá cái cũ để xây cái mới, tiến bộ hơn, hiệu quả hơn.

Đại hội lần thứ IX của Đảng đã nêu ra ba xu hướng mới của thời đại, một là chủ động hội nhập quốc tế, hai là tiến vào nền kinh tế tri thức, và ba là bổ sung mục tiêu dân chủ trong các mục tiêu "dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh".

Ba xu hướng đó có liên quan mật thiết, vừa là tiền đề vừa là mục tiêu

của nhau. Mối quan hệ qua lại, hỗ tương giữa chúng cần được nhận thức sâu sắc hơn nữa.

Toàn Đảng và dân tộc ta đang tích cực triển khai hoạt động theo ba xu hướng mới đó. Thành quả của đổi mới gần 20 năm qua đầy sức thuyết phục, và chinh phục lòng người, song còn có thể to lớn hơn nữa, nếu công cuộc đổi mới được nhất quán hơn,

toàn diện hơn, quyết liệt hơn. Còn nhiều vấn đề cần tiếp tục tháo gỡ. Dưới đây chỉ xin đề cập những vấn đề bức xúc nhất liên quan đến ba xu hướng mới đó, mà nếu thực hiện với đầy đủ tính khẩn trương và nghiêm túc hơn, thì việc phát triển nhanh hơn, với chất lượng và tính bền vững cao hơn sẽ sớm thành hiện thực, cho phép chúng ta sánh vai cùng các nước phát triển đi trước. Phải chăng, đó cũng là những vấn đề rất đáng tổng kết, để nâng lên tầm nhận thức và quán triệt tốt hơn nữa trong Đại hội X sắp tới của Đảng?

I. Chủ động hội nhập, bằng một nhịp độ tăng trưởng nhanh, chất lượng và tính bền vững cao hơn

1. Được biết nhịp độ tăng trưởng kinh tế năm 2004 của nước ta, sơ bộ đánh giá là 7,6% so với năm 2003. Nhiều người nói một cách tự hào rằng nhịp độ tăng trưởng của chúng ta thuộc loại khá nhanh. Đã thật thỏa đáng chưa? Nhanh hay chậm? Nên có cách tiếp cận thế nào để đánh giá chính xác hơn về nhịp độ tăng trưởng mỗi thời kỳ? Thông thường, có ba cách so sánh:

1.1 So với mục tiêu đề ra: Theo mục tiêu kế hoạch đã được Quốc hội phê chuẩn, thì nhịp độ năm 2004 phải đạt từ 7,5% - 8%. Như vậy là trên thực tiễn đạt 7,6% là chỉ đạt ở mức độ thấp. Nhịp độ còn lại cho năm 2005, năm cuối cùng của kế hoạch 5 năm 2001-2005 còn rất lớn: nhất thiết phải có nhịp độ 8,8% thì mới hoàn thành mục tiêu của kế hoạch 5 năm đã định! Một thách thức không nhỏ.

1.2 So với những nhịp độ mà nền kinh tế đã đạt trong quá khứ: Ví dụ trong các năm 1994-1995-1996, ta đạt nhịp độ tăng trưởng tương ứng là 8,8%- 9,5% và 9,6%, trong điều kiện nhiều yếu tố như cơ sở vật chất, kỹ thuật, nguồn vốn, nguồn lực xuất khẩu còn ít hơn nay nhiều, thì có thể khẳng định nhịp độ 7,6% là chậm hơn.

1.3 So với các nước khác: Tất nhiên mọi việc so sánh đều khập khiễng, vì mỗi nước đều có những điều kiện cụ thể khác nhau, song trong các công trình nghiên cứu quốc tế, người ta vẫn thường dùng, để có

một ý niệm nơi nào tiến nhanh, nơi nào tiến chậm, nơi nào vượt lên, nơi nào tụt hậu. Chúng ta đang lo khắc phục nguy cơ tụt hậu, nên so sánh với các nước khác là cần thiết. Cũng trong năm 2004, trong khi nhịp độ của ta là 7,6%, thì Trung Quốc vẫn tiếp tục đà tăng trưởng cao là 9,3% (bình quân thập niên 1980-1990 là 10,3%, và thập niên 1990-2000 là 10,0%) (1) và Singapore năm 2004 cũng đạt 8,1%. Ấn Độ, Thái Lan cũng đang trên đà tăng tốc, dự kiến 2005 từ 8-10%.

Trong khi ta tự coi mình là phát triển khá nhanh, thậm chí nhanh đi nữa, thì vẫn chậm hơn người khác. Quanh ta, người ta đang phát triển nhanh hơn ta nhiều, và họ nhanh liên tục, mười năm, hai mươi năm, tính bền vững của họ cũng cao hơn ta rất nhiều! Một tổ chức phi chính phủ - Diễn đàn kinh tế thế giới (WEF, trụ sở ở Genève) phối hợp với Đại học Harvard chuyên nghiên cứu và xếp hạng năng lực cạnh tranh của các quốc gia toàn cầu, đã công bố bảng báo cáo xếp hạng cho năm 2004, theo đó thì năng lực cạnh tranh tăng trưởng (Growth Competitiveness Index - GCI) tức của toàn bộ nền kinh tế Việt Nam đã bị xếp thứ 77/104, tụt 17 bậc so với năm 2003 (60/102); còn năng lực cạnh tranh kinh doanh cấp doanh nghiệp (Business Competitiveness Index - BCI) xếp 79/103 so với 50/95 năm 2003, tức tụt mạnh hơn.

Từ thực tiễn đó, cần rút ra kết luận gì? Tuy ta có nhịp độ khá nhanh rồi, nhưng chưa cho phép tự mãn, nguy cơ tụt hậu vẫn còn đó. Mà đã tụt hậu, thì hậu quả khó lường. Trong điều kiện cạnh tranh quyết liệt của hội nhập quốc tế, tụt hậu đồng nghĩa ở vào thế yếu hơn nữa, mà giữa kẻ mạnh và người yếu, đòi hỏi bình đẳng chỉ là điều mơ tưởng! (2)

Từ đó, xin kiến nghị với Đại hội X của Đảng đánh giá lại đúng mức nguy cơ tiếp tục tụt hậu, và tụt hậu ngày càng xa hơn của nền kinh tế nước ta, để có giải pháp tích cực hơn, quyết liệt hơn, vì nguy cơ đó chưa hề được đẩy lùi, và ngày càng nặng nề hơn.

Có người cho rằng rút ngắn

khoảng cách, để tránh nguy cơ tụt hậu là một mơ tưởng viễn vông, bao giờ mới thành hiện thực được?

Quả thực đó là một tư duy phản ánh những khó khăn thực tiễn. Tuồng như cũng có người không muốn, hoặc không dám nhắc tới nguy cơ "số một" này nữa vì nhắc tới chỉ thêm buồn! Phải chăng "phận trời đã định" và "vô phương", đành buông tay chấp nhận sao?

Rất mừng là trong hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành TW Đảng cộng sản Việt Nam, Tổng bí thư Nông Đức Mạnh đã nhắc: "Trong thời gian tới cần đẩy mạnh hơn nữa nhịp độ tăng trưởng để có thể thực hiện chỉ tiêu tăng trưởng do đại hội đề ra, góp phần khắc phục từng bước tình trạng tụt hậu xa hơn về kinh tế."

Lịch sử phát triển kinh tế thế giới đã chứng minh không thiếu những ví dụ về những quốc gia, vốn xuất phát từ những trình độ yếu kém hơn nhiều so với nước khác, nhưng chỉ với một thời gian ngắn, đã nổi lên như những quốc gia hùng mạnh. Nhật, và những con rồng châu Á là những ví dụ. Sức mạnh Phù Đổng của dân tộc ta trong mọi cuộc kháng chiến chống xâm lược của dân tộc Việt Nam trước những kẻ thù hùng mạnh gấp trăm ngàn lần cũng là một dẫn chứng khác.

Yếu tố gì tạo nên sức mạnh đột phá như vậy? Có lẽ, đó là ý chí của hạt nhân lãnh đạo, và sự đồng tâm nhất trí của toàn dân. Đã có bài học chiến thắng trong chiến tranh trước đây, ngày nay trong cuộc đột phá kinh tế chống tụt hậu xa hơn, có lẽ ý chí và quyết tâm của hạt nhân lãnh đạo đang là yếu tố cần nhấn mạnh trước hết và vun đắp kiên định hơn nữa, để từ đó hình thành quyết tâm và ý chí của toàn dân. Những bài học lịch sử quý giá đó đáng suy ngẫm để vận dụng sáng tạo trong xây dựng và hội nhập kinh tế ngày nay.

2. Đã nói đến phát triển kinh tế, thì bài học lịch sử khác là không những chỉ cần phát triển nhanh, mà còn cần một loạt biện pháp liên quan, đó là "nhanh, nhiều, tốt, rẻ".

2.1. *Nhanh mà không nhiều*, không đủ quy mô để nhận đặt lô hàng lớn của công ty đa quốc gia khi họ đến điều tra nguồn cung ứng trước khi ký

hợp đồng đặt hàng, nên nhiều doanh nghiệp may mặc của ta đã bỏ lỡ nhiều cơ hội, ngay cả những công ty dệt may lớn của ta cũng rơi vào tình trạng như vậy. Gần đây, sản phẩm đồ gỗ của Việt Nam được tín nhiệm trên thị trường quốc tế, một công ty Mỹ đến đặt hàng tại Công ty tiến triển Bình Dương, ước tính khoảng từ 75-100 triệu USD, trong năm 2005, mỗi tháng giao 50-200 container loại lớn, nhưng vì khả năng cung ứng không bảo đảm hợp đồng giao hàng, nên đành lỡ việc. Từ thực tiễn đó, vấn đề liên kết giữa các doanh nghiệp nhỏ và vừa lại với nhau để hình thành những tập đoàn sản xuất, đủ khả năng đáp ứng nhu cầu thị trường khi hội nhập đã trở thành bức thiết. (4)

2.2. *Hàng hóa vừa tốt vừa rẻ* là tiêu chuẩn đầu tiên để chinh phục người tiêu dùng. Với quy chế WTO buộc mỗi nước thành viên hạ thuế suất, tiến đến 0%, và giảm đến mức tối thiểu rào cản phi quan thuế, thì hàng tốt và rẻ sẽ thống lĩnh thị trường. Ngày nay, người tiêu dùng ít ai quan tâm xuất xứ của hàng hóa nữa. Lúc đó, thì ý tưởng kinh doanh của một nước lớn: "Hàng hóa của nước tôi đi đến đâu, biên giới nước tôi lan rộng đến đó", sẽ thành hiện thực, và là mối đe dọa đối với nền kinh tế những nước kém và yếu thế cạnh tranh.

Như vậy là vấn đề thuần túy kinh tế đã "chuyển gam" sang màu sắc chính trị. Bảo đảm hàng hóa tốt và rẻ trong hội nhập quốc tế đã trở thành vấn đề sống còn của đất nước.

II. Tiến vào nền kinh tế tri thức

Nhận thức về nền kinh tế tri thức đã ngày càng rõ hơn: Gần đây, Viện nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới đã khẳng định nền kinh tế tri thức đã mang tính toàn cầu (Global knowledge economy). Điều đó khẳng định một khi hội nhập kinh tế thế giới, thì dù muốn hay không cũng đồng thời bắt tay vào nền kinh tế tri thức. Kinh tế tri thức và kinh tế toàn cầu chỉ là hai mặt của một vấn đề mà thôi, vì "tri thức là động lực mạnh nhất của lực lượng sản xuất toàn thế giới".

- Xét trên toạ độ một quốc gia,

kinh tế tri thức là điều kiện tiên quyết để nói đến phát triển với chất lượng và tính bền vững cao hơn.

• Còn xét trên toạ độ quốc tế, thì nó là điều kiện quyết định nhất để hội nhập kinh tế có hiệu quả. Vì vậy, đối với đất nước chúng ta, từ nghèo nàn lạc hậu đi lên, không có con đường nào khác là phải tranh thủ mọi thời cơ để “đi tắt, đón đầu” nền kinh tế tri thức. Hội nhập quốc tế lại dọn đường cho quá trình “đi tắt đón đầu” đó rộng mở, và ít khó khăn hơn. Nếu không đủ tri thức để kịp thời nắm bắt những biến động mau lẹ của khoa học-công nghệ hiện đại toàn cầu, thì lịch sử đã chứng minh đó là cái mất mát khó lường nhất.

Từ sau Đại hội IX, tuy nhận thức về vai trò kinh tế tri thức có ngày càng rõ nét, nhưng triển khai trong thực tiễn chưa mạnh, thậm chí có người còn cho là bị lãng quên. Nguyên nhân chủ yếu, có lẽ là do thiếu một tư lệnh đủ tầm nhìn và quyết tâm thực hiện. Đưa kinh tế tri thức vào cuộc sống thực tiễn là cả một cuộc cách mạng từ tư duy đến tổ chức thực hiện, đòi hỏi hoạt động đồng bộ của nhiều ngành, cùng chuyển biến theo những tiêu chuẩn giá trị mới để đánh giá từng cá nhân, từng tổ chức quản lý và kinh doanh. Ngân hàng Thế giới đã tổng kết kinh nghiệm triển khai nền kinh tế tri thức, khẳng định kinh tế tri thức chỉ có thể hình thành trên bốn trụ cột sau:

(1) Một thể chế pháp lý và kinh tế làm hậu thuẫn, nhằm kích thích việc sử dụng có hiệu quả tri thức mới và tinh thần kinh doanh bùng phát;

(2) Một dân số được đào tạo và có kỹ năng, để vận dụng và hơn nữa, sáng tạo ra tri thức mới;

(3) Một cơ sở hạ tầng thông tin năng động phục vụ có hiệu quả cho việc truyền bá và xử lý thông tin;

(4) Một hệ thống đổi mới có hiệu quả việc tổ chức phối hợp các doanh nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, các trường đại học, tổ chức tư vấn để tiếp cận, chia sẻ khối lượng thông tin ngày càng tăng, vận dụng vào điều kiện tại chỗ, và từ đó tạo ra công nghệ mới.

Chỉ có bộ máy quản lý của Nhà nước với những chức năng do Hiến pháp trao quyền mới đủ điều kiện, đủ

thẩm quyền tạo ra cuộc cách mạng đó. Nếu trước đây, người ta quen dùng từ ngữ “Bà đỡ” để nói về vai trò của Nhà nước khi ra đời nền kinh tế thị trường, thì ngày nay đối với nền kinh tế tri thức, từ ngữ “bà đỡ”, có lẽ vẫn đầy đủ ý nghĩa bức thiết đối với Việt Nam.

Chức năng “bà đỡ” thể hiện ở việc:

• Xây dựng các thể chế và chính sách kích thích và chế tài cần thiết, để mọi người có ý thức rõ ràng tính bức thiết đi vào con đường kinh tế tri thức, đó là con đường duy nhất để phát triển (cá nhân và toàn đất nước) một cách nhanh nhất, chất lượng và tính bền vững cao nhất. Một chiến lược giáo dục mới về đào tạo nguồn nhân lực, cung cấp những điều kiện để từng cá nhân và toàn xã hội có thể không ngừng học tập suốt đời, và tự đào tạo lại để đương đầu với sự biến động mau lẹ của cơ cấu nghề nghiệp trong thời đại mới, đang là đòi hỏi bức thiết của toàn xã hội, phải được ghi vào chương trình hành động ưu tiên của Chính phủ.

• Hình thành các tổ chức chính phủ, nhất là lôi kéo các tổ chức xã hội, và phi chính phủ (cả trong và ngoài nước) vào cuộc, quyết tâm chạy đua đi vào con đường kinh tế tri thức. Bước đi đầu tiên là phát triển công nghệ thông tin, có đủ đội ngũ thành thạo để triển khai chính phủ điện tử (CPĐT) ở các cấp, từ trung ương đến cơ sở. Dành ưu tiên của chương trình cải tổ bộ máy cho chính phủ điện tử, để triển khai cuộc cải cách hành chính nhanh nhất, ít ồn ào, mà hiệu quả nhiều mặt lớn nhất (công khai, trong sáng, chống quan liêu, những nhiễu, lãng phí, thu hút sức tham gia và giám sát của nhân dân có hiệu quả nhất).

• Giám sát, theo dõi, kiểm tra gắt gao việc triển khai chương trình đi vào kinh tế tri thức (chống làm giả, làm dối, huênh hoang thành tích, đánh trống bỏ dùi), tổng kết, để tiếp tục thúc đẩy sự nghiệp phát triển.

Tóm lại, một chiến lược triển khai kinh tế tri thức, với những chương trình hành động thiết thực của chính phủ, đang trở thành đòi hỏi bức thiết.

III. Mở rộng hơn nữa dân chủ

Mức độ dân chủ hóa tùy thuộc trình độ dân trí mỗi nơi, mỗi lúc, không thể có tiêu chí chung cho mọi thời điểm hoặc quốc gia khác nhau. Nhưng trước yêu cầu hội nhập và triển khai mạnh kinh tế tri thức thì yêu cầu dân chủ hóa càng không thể chấp nhận lý do gì để trì hoãn. Đại hội IX đã có nghị quyết rõ ràng: “dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ văn minh”. Chỉ trên cơ sở phát huy dân chủ mới tạo điều kiện để tiến vào kinh tế tri thức một cách thực chất, vì kinh tế tri thức luôn mở cửa đón nhận những gì mới, những gì mà nhân loại chưa từng biết, phá vỡ khối lượng kiến thức truyền thống già cỗi, huỷ bỏ mọi nếp tư duy khuôn mẫu, thủ cựu, để chọn lựa cái mới, cái tiến bộ, cái hữu ích hơn. Phạm vi các lĩnh vực dân chủ hóa có thể là mọi lĩnh vực hoạt động chính trị, tổ chức, nghiên cứu, quản lý hành chính. Nhưng thiết nghĩ: trước tiên hai lĩnh vực tư tưởng và tổ chức là những lĩnh vực cần điều chỉnh bức thiết nhất.

Kinh nghiệm một số nước cho thấy mở rộng dân chủ, trước hết là dân chủ trong tư duy, khuyến khích từng công dân tìm những ý tưởng mới, phương pháp làm việc mới. Đã là những ý tưởng mới, tư duy mới thì nhất định có những khác biệt nhất định với những gì đã có trong ý thức truyền thống, hay trong văn bản chính thức của Nhà nước hay các tổ chức chính trị. Cũng vì chúng mới, nên thường nó động chạm, thậm chí phủ định cái cũ, nhưng trong nhiều trường hợp đó là những phủ định tích cực, phá cái cũ để xây cái mới, tiến bộ hơn, hiệu quả hơn. Thành quả của cuộc đổi mới ngày nay cũng chính là thành quả của đổi mới tư duy. Bài học lớn của đổi mới cũng chính là bắt đầu từ đổi mới tư duy. Kinh nghiệm vô cùng quý giá đó cần được phát huy để có cao trào đổi mới ở tầm trí tuệ cao hơn, có nghĩa là phải có quyết tâm lớn từ cấp quản lý cao nhất để khắc phục những biểu hiện thiếu dân chủ thường thấy, như:

• Độc quyền tư duy, không chấp nhận những tư duy nào khác đã hình thành trong các nghị quyết, các văn bản chính quy;

• Độc đoán khi phán xét, không



Ảnh Hoà Tấn

hoặc khó chấp nhận tranh luận công khai;

• Tuỳ tiện quy kết, chụp mũ.

Hậu quả của tình trạng không lành mạnh trên là xã hội phân tâm, không biết ai đúng ai sai, tài liệu “quý hiếm” lưu truyền qua tay rối loạn, gây hoang mang, ngoài sự kiểm soát, định hướng của lãnh đạo. Nên chăng cho phép người có trách nhiệm đối với dân tộc, đối với đất nước, tự tin ở chủ trương đúng đắn của mình hãy dũng cảm chấp nhận công khai tranh luận với bất kỳ ai có ý kiến trái ngược, để tìm ra cái hay nhất, cái đúng nhất, cuối cùng tìm ra chân lý, và sẽ được người dân thực lòng “tâm phục, khẩu phục”? Các hình thức “diễn đàn điện tử” trong chất vấn HĐND TP.HCM và Hà Nội đáng được cổ vũ!

Dân chủ trong lĩnh vực tổ chức - cán bộ là lĩnh vực bức thiết cần đồng thời tiến hành với dân chủ hóa trong tư duy. Hai lĩnh vực cần song hành, nếu không hệ thống tổ chức - cán bộ nguyên hình cổ xưa sẽ bóp chết mọi mầm mống tư duy mới bằng quyền và bằng thế của họ.

Rất mừng là Bộ chính trị Ban chấp hành trung ương Đảng vừa ra chỉ

thị đổi mới công tác tuyển chọn cán bộ bầu cử vào cấp cơ sở, trên cơ sở thăm dò ý kiến của nhân dân. Hy vọng trên cơ sở kinh nghiệm mới, việc công khai trưng cầu ý kiến đối với các cấp cao hơn như huyện, tỉnh, và Trung ương cũng được thể chế hóa trong điều lệ của Đảng.

Một khía cạnh khác của dân chủ hóa hoạt động của các cấp uỷ là tổ chức các ban kiểm tra các cấp. Theo quy chế hiện hành, ban kiểm tra các cấp, đều do ban chấp hành cử ra, nên hiệu lực giám sát kiểm tra rất hạn chế. Người nào mạnh tay hoạt động theo chức năng của mình, chắc khó được lòng các thành viên cấp uỷ, và cũng dễ bị “thuyên chuyển” là “êm ấm” nhất...! Vì vậy, kẻ khôn ngoan, phải biết khéo léo “nương nhau” để cùng tồn tại! Mọi sai lầm, khuyết điểm đều do bên ngoài, báo chí phát hiện, phanh phui, thậm chí dư luận đã thấy rõ ràng, mà nội bộ thì vẫn cố “đỉnh chính” là “không có gì lớn, không có gì quan trọng, không có gì phạm pháp v.v...và v.v...”. Nên chăng có cuộc đổi mới triệt để hơn: Mọi ban kiểm tra đều cần được đại hội mỗi cấp bầu ra, ngay sau khi bầu ban chấp

hành, để ban kiểm tra đó đủ thẩm quyền, đủ tư cách kiểm tra toàn ban chấp hành và từng cá nhân cấp uỷ viên, kể cả bí thư và Tổng bí thư, không ai đứng ngoài vòng kiểm tra, đứng ngoài pháp luật.

Phải chăng phát huy dân chủ trong tư duy và tổ chức như trên, sẽ tổn thương quyền lực tối cao của cấp trên, của người lãnh đạo mỗi cấp? Có thể đó là mối lo của một số người! Trên giác độ nhận thức lý luận cũng như thực tiễn đã chứng minh dân chủ và pháp quyền không mâu thuẫn nhau, mà một nhà nước mạnh là nhà nước thực lòng “của dân, và vì dân”, một Đảng mạnh chỉ khi nào phản ánh được ý nguyện của nhân dân, thực sự là Đảng của nhân dân, của dân tộc mà mình xuất thân, gắn bó và thực lòng phục vụ.

Với cách tiếp cận vấn đề về quan hệ giữa Đảng và nhân dân như trên, hy vọng trong Đại hội X sẽ có cuộc xem xét sửa đổi một số điều cơ bản trong Cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội đã hình thành từ Đại hội VII, ví dụ:

(Xem tiếp trang 13)

3.3. Đối với kinh tế tư bản tư nhân: Khuyến khích đầu tư vào các ngành kinh tế quan trọng có trình độ công nghệ hiện đại. Mở rộng các hình thức liên doanh liên kết trong và ngoài nước, phát triển không hạn chế qui mô các ngành kinh doanh được Nhà nước cho phép.

3.4. Đối với các loại hình kinh tế hỗn hợp: Nhà nước cần coi đây là một hướng quan trọng trong quá trình XH hóa QHSX và cần có những biện pháp thích hợp để mở rộng qui mô phát triển, đủ sức đầu tư vào các ngành kinh tế trọng yếu (kể cả cơ sở hạ tầng) góp phần hiện đại hóa công nghệ làm cơ sở chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo xu hướng phát triển của thời đại.

3.5. Đối với kinh tế tư bản nhà nước: Đây là hình thức kinh tế mà Nhà nước thâm nhập và XH hóa QHSX đối với kinh tế tư bản tư nhân. Tùy theo đặc điểm KT-XH trong mỗi thời kỳ phát triển, có thể giải quyết theo 2 hướng cơ bản:

- Nếu xét thấy Nhà nước cần thiết nắm giữ, thì mở rộng vốn liên kết để nắm ưu thế và từng bước chuyển thành

DNNN.

- Nếu xét thấy, để tư nhân nắm giữ có lợi hơn, thì Nhà nước có thể rút vốn để đầu tư vào các ngành khác.

4. Dự báo về xã hội hóa SHTN & KTTN

Mục tiêu của phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN là trên cơ sở phát triển LLSX, từng bước XH hóa QHSX tiến đến "sở hữu XH", theo quy luật QHSX phải phù hợp với tính chất và trình độ của LLSX.

Bắt nguồn từ cách nhìn đó, nhóm nghiên cứu nhận thấy, việc XH hóa sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân có thể được thực hiện theo các phương pháp và hình thức sau:

Thứ nhất, phát triển các công ty có qui mô lớn hiện đại, các công ty đa quốc gia, xuyên quốc gia để tạo ra một LLSX tiên tiến, hiện đại làm nền tảng cho tiến trình XH hóa QHSX, bằng sự thích ứng giữa QHSX với LLSX.

Thứ hai, phát triển mạnh mẽ kinh tế hỗn hợp (công ty cổ phần). Đây được coi như hình thức xã hội hóa SHTN và

KTTN từ một chủ sở hữu sang đa sở hữu (sở hữu tập thể), tạo bước quá độ cho quá trình XH hóa nền kinh tế.

Thứ ba, phát triển kinh tế tư bản nhà nước nhằm chuyển dần sở hữu tư nhân và kinh tế tư nhân vào hướng XH hóa theo các nguyên tắc phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN. Đây được coi là phương pháp tạo cầu nối để tiến tới XH hóa quan hệ SX, mà cốt lõi là XH hóa quan hệ sở hữu.

Còn nếu Đảng CSVN tiếp tục đổi mới tư duy trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, thì có thể tạo cho nền kinh tế vận hành theo qui luật thị trường và các qui luật kinh tế khách quan.

Trên đây là những quan điểm, chính sách và các giải pháp mới mà nhóm nghiên cứu đề tài KX 01-04 "Sở hữu tư nhân, kinh tế tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân và các loại hình kinh tế tư nhân: Bản chất, vị trí, vai trò của nó trong nền kinh tế thị trường định hướng XHCN ở VN" kiến nghị với HĐLLTW, đồng thời cũng là góp những tiếng nói vào việc chuẩn bị văn kiện ĐHĐB ĐCSVN lần thứ X ■

(Tiếp theo trang 8)

Nhìn lại gần 20 năm ...

● Đảng của ai? Chỉ là của giai cấp công nhân, hay của nhân dân, của tộc Việt Nam?

● Có thừa nhận có bóc lột trong thực tiễn kinh doanh hay không?

● Có cho phép đảng viên làm kinh tế tư bản tư nhân hay không?

● Có nên duy trì nhiều thành phần kinh tế hay không, hay nên mạnh dạn rời bỏ khái niệm "thành phần", mà chỉ còn ba khu vực công tư, và hỗn hợp công tư? Khi mọi thành phần đều thực sự bình đẳng kinh doanh, thì phân biệt thành phần này nọ còn có ý nghĩa thực tiễn gì nữa?

Đó là một số vấn đề cơ bản phản ánh cục diện mới, yêu cầu mới của đổi mới và xây dựng đất nước. Thực tiễn của đổi mới đã bỏ xa nhiều quan điểm cơ bản của cương lĩnh trước đây. Nhiều quan điểm lý luận truyền thống thể hiện trong cương lĩnh nay đã tỏ ra lỗi thời, cần được điều chỉnh, sửa đổi. V.I. Lênin đã nêu tấm gương về quyết tâm vứt bỏ những quan điểm lỗi thời trong những lời

tổng kết chí tình, ngay trên giường bệnh, chỉ sau hơn một năm thực hiện chính sách kinh tế mới (NEP) ở Liên Xô, ngày 6.1.1923:

"Chúng ta buộc phải thừa nhận là toàn bộ quan điểm của chúng ta về chủ nghĩa xã hội đã thay đổi về căn bản". (5)

Nên chăng coi đó là tư tưởng chỉ đạo trong dịp tổng kết 20 năm đổi mới của Đảng và nhà nước ta. Vì vậy, cũng xin phép không đi vào lập luận chi tiết về các vấn đề vừa nêu trên, vì trong nhiều hội thảo khác, theo tôi biết, đã tranh luận nhiều lần và khá chín muồi.

Vấn đề còn lại là cần nhắc để có những quyết định sáng suốt, sao cho phù hợp với những quy luật phát triển khách quan của cơ chế thị trường, của hội nhập kinh tế quốc tế, của kinh tế tri thức và cuối cùng, cao hơn hết là của yêu cầu dân chủ, cũng là của lòng dân!

Phải chăng đó là ba nội dung lớn mà Đại hội X của Đảng cần tổng kết để đánh giá, và để có câu trả lời đạt mức "khẩu phục tâm phục" trước dân tộc Việt Nam ■

GHI CHÚ

(1) Theo số liệu của Ngân hàng Thế giới công bố, thì thu nhập quốc dân trên đầu người của Trung Quốc, tính theo phương pháp Atlas, năm 1995 là 520 USD, so với Việt Nam cùng năm đó là 250 USD, tức gấp 2,08 lần. Năm 2002, của Trung Quốc là 940 USD, còn của Việt Nam là 430 USD, gấp 2,18 lần; khoảng cách đã mở rộng 0,10 lần, nói cách khác là nền kinh tế của ta đã tụt hậu xa hơn.

(2) Chúng ta đều biết Trung Quốc là xuất xứ của nhiều hàng hóa rẻ, có thể cạnh tranh trên thị trường quốc tế, thế mà chỉ một năm sau khi Trung Quốc gia nhập WTO, một nghiên cứu ở vùng Nội Mông Trung Quốc cho biết hàng nghìn gia đình ở đây đã phải từ bỏ nghề chăn nuôi, để bán các sản phẩm len cổ truyền thống của mình, vì công nghệ lạc hậu, năng suất thấp, giá thành cao, không cạnh tranh nổi với len Australia, New Zealand. Người trồng mía, và ngành sản xuất đường cũng trong trường hợp tương tự. Sản phẩm đậu tương, bột mì của Trung Quốc cũng không cạnh tranh được với đậu tương và bột mì của Mỹ, đến mức người dân Trung Quốc cho rằng họ "ăn nhiều bánh mì Mỹ hơn là bánh mì Trung Quốc" v.v... có thể dẫn chứng những ví dụ tương tự ở nhiều ngành khác. Một khi tụt hậu, không còn khả năng cạnh tranh, số phận nghiệt ngã là vậy...! Nói vậy để cung cấp thêm liệu cho nền nông nghiệp lạc hậu của đất nước ta, ngăn ngừa hiện tượng tương tự khi hội nhập. (www.vnexpress 11.12.04)

(3) Văn kiện hội nghị lần thứ chín Ban chấp hành trung ương Đảng CSVN, tr.221.

(4) Saigon Times Daily 14.12.2004.

(5) Lênin toàn tập, NXB Tiến Bộ, M.1978, tr.428.